

Ngày	13,600 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.3%	-13.9%	24.8%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,500 - 16,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	175
Số lượng CPLH (CP)	12,847,647
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,625
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	0.42
EPS	473
P/E	28.8

DT thuần

Q1/24

22.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.40| 12.1%

YoY: ▲ 3.80| 20.4%

LN trước thuế

Q1/24

3.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.79| 519%

YoY: ▲ 1.74| 132%

LN sau thuế

Q1/24

2.80

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.53| 484%

YoY: ▲ 1.49| 114%

ROA

2023

1.7%

+/- YoY: ▲ 0.9%

DT thuần

2023

80.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.40| -4.1%

LN trước thuế

2023

5.62

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.48| 163%

LN sau thuế

2023

3.93

tỷ VNĐ

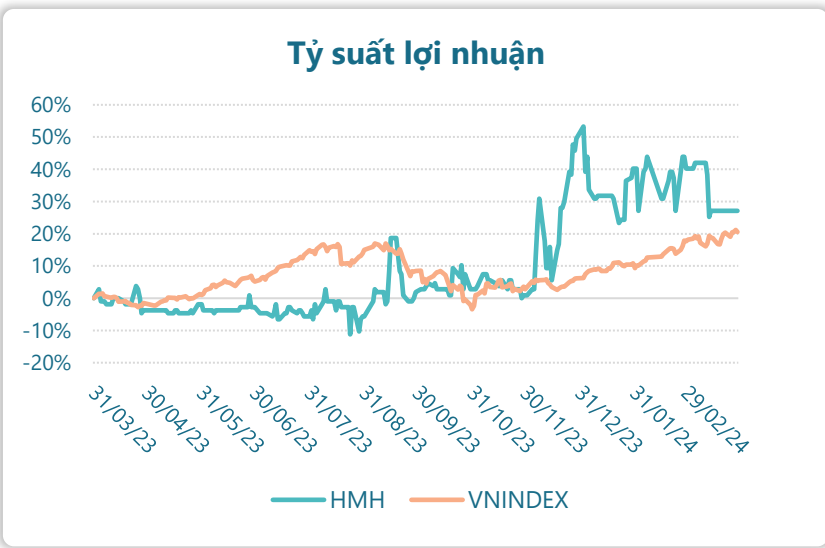
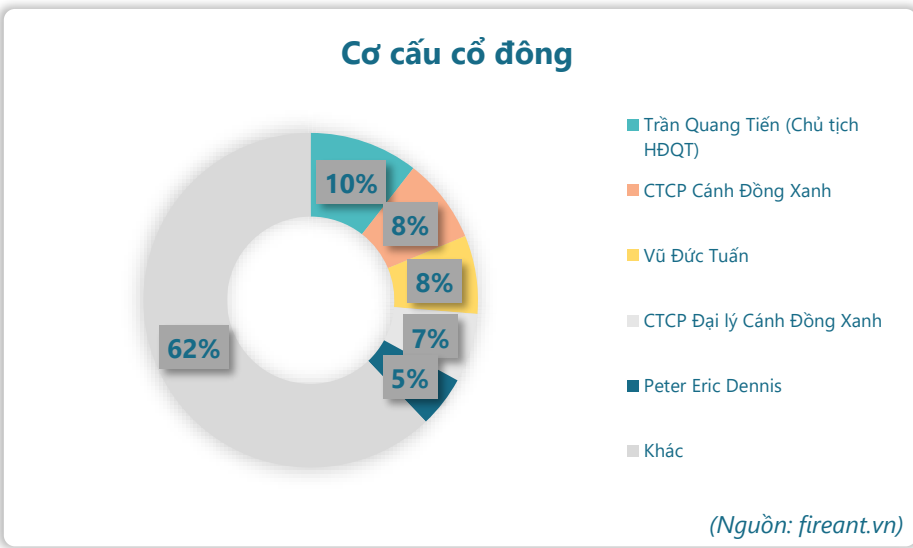
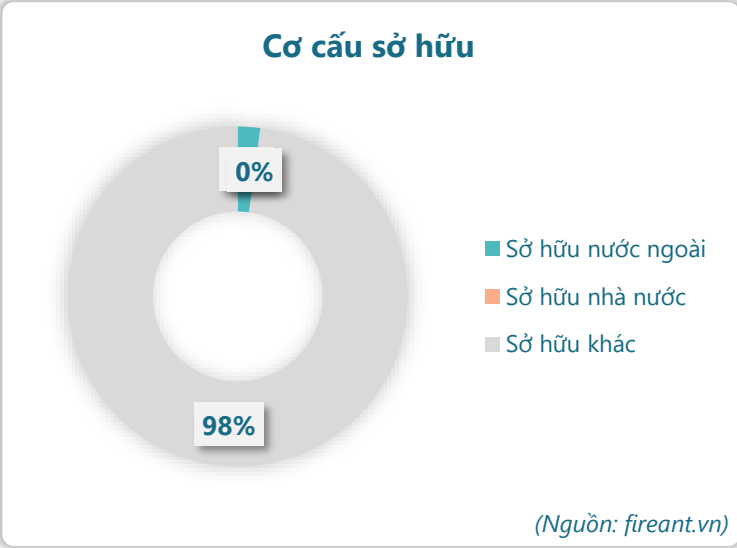
YoY: ▲ 2.01| 104%

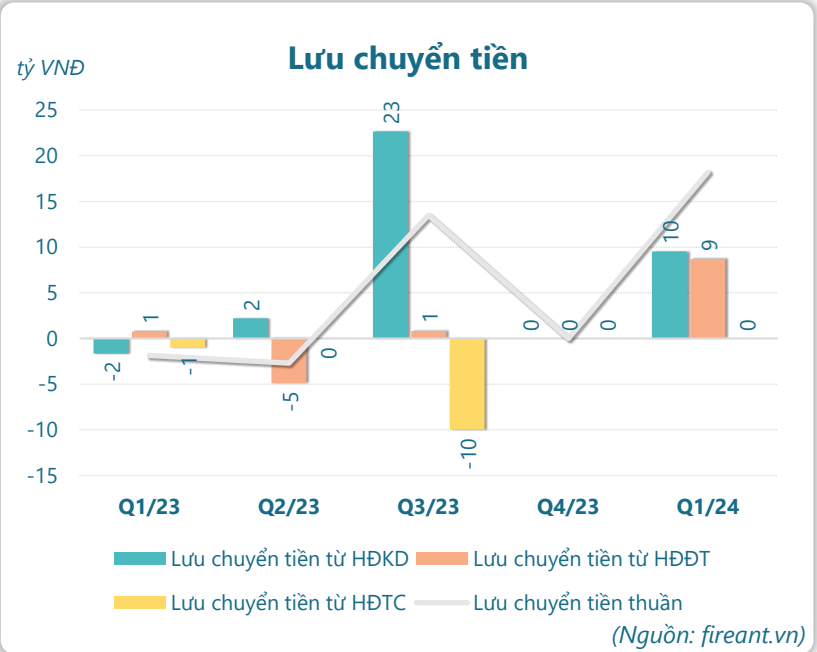
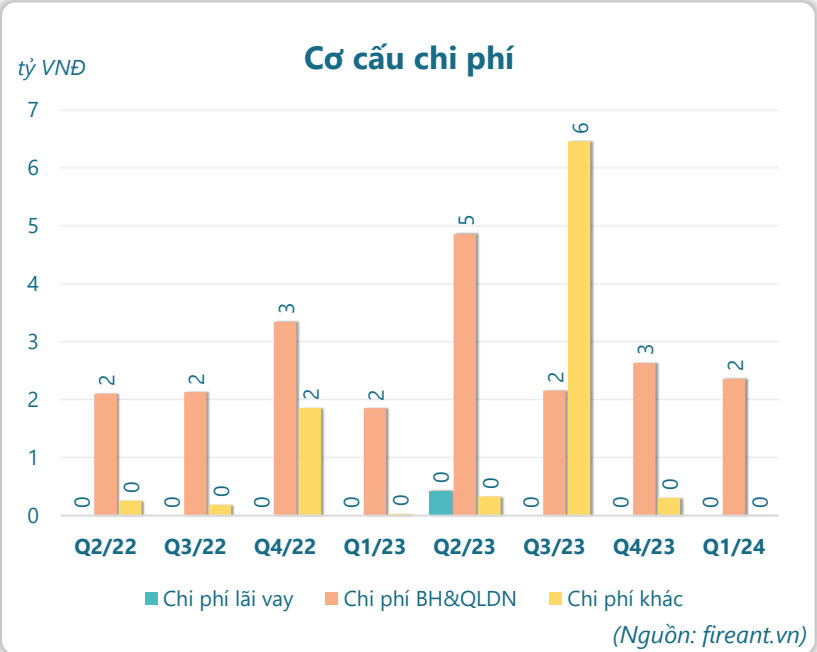
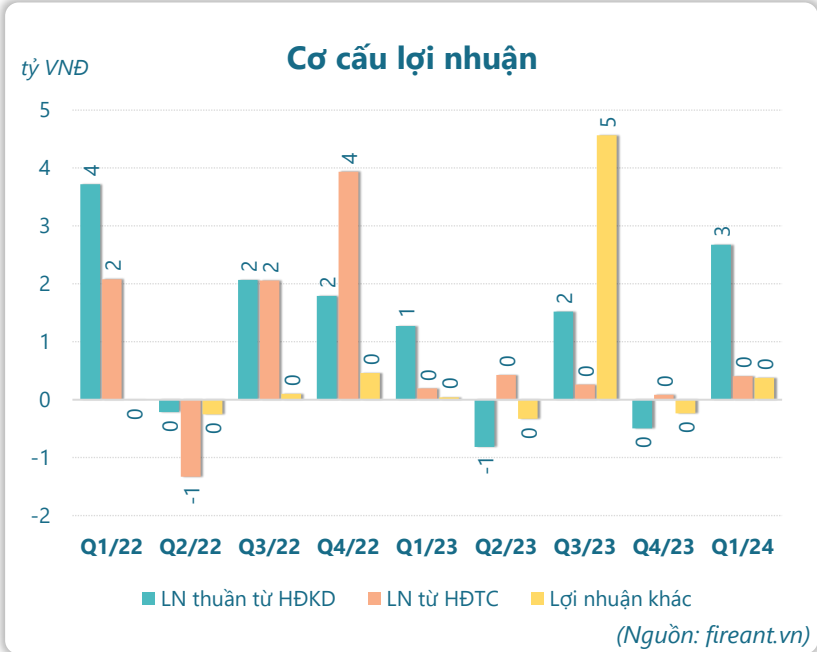
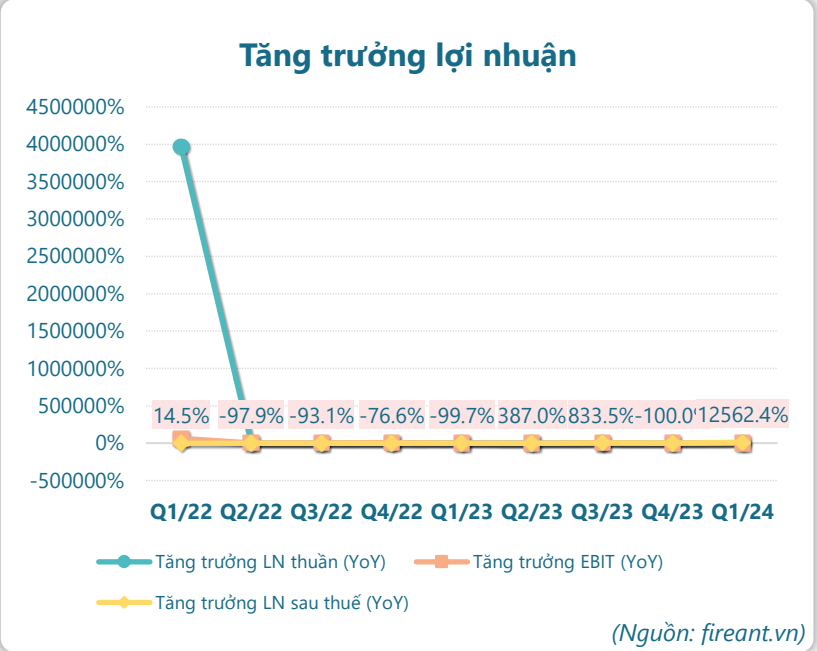
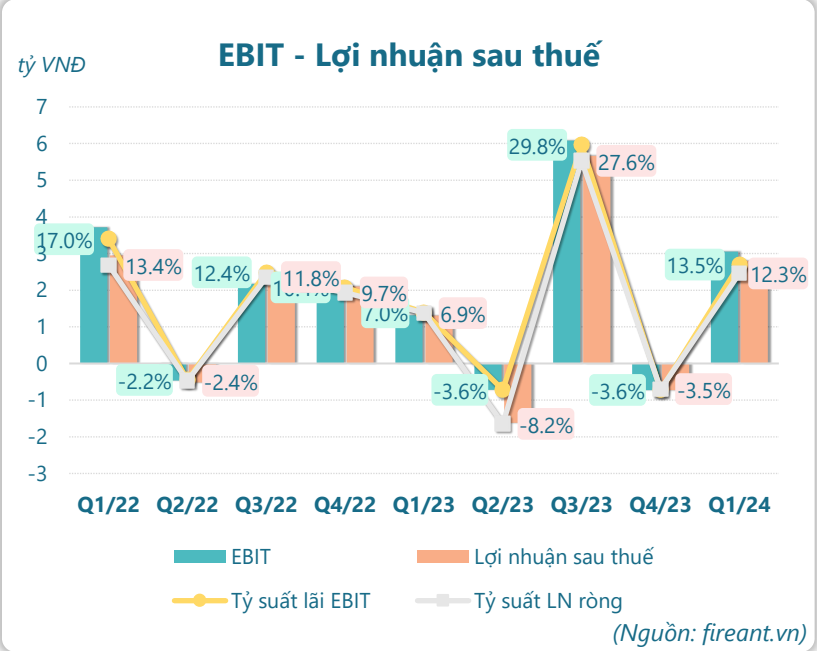
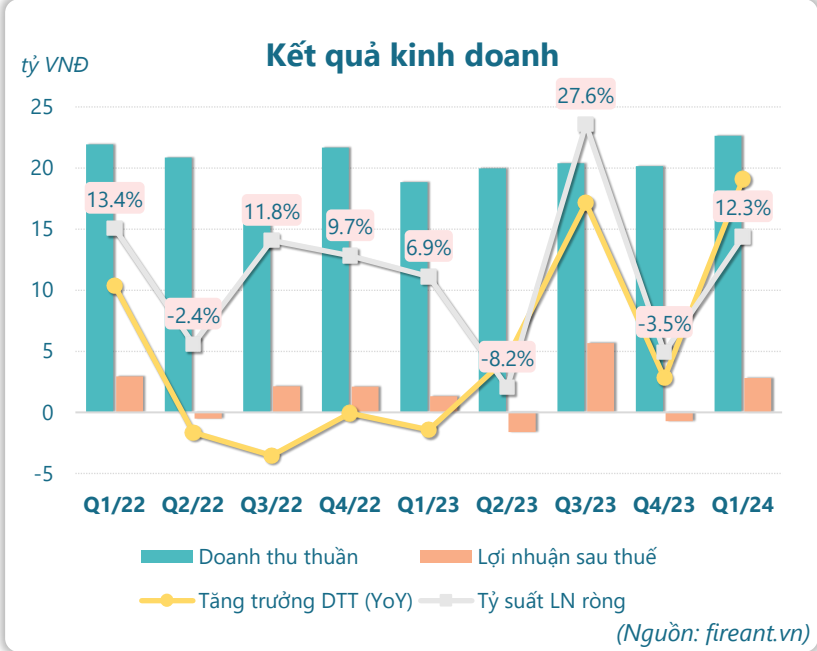
ROE

2023

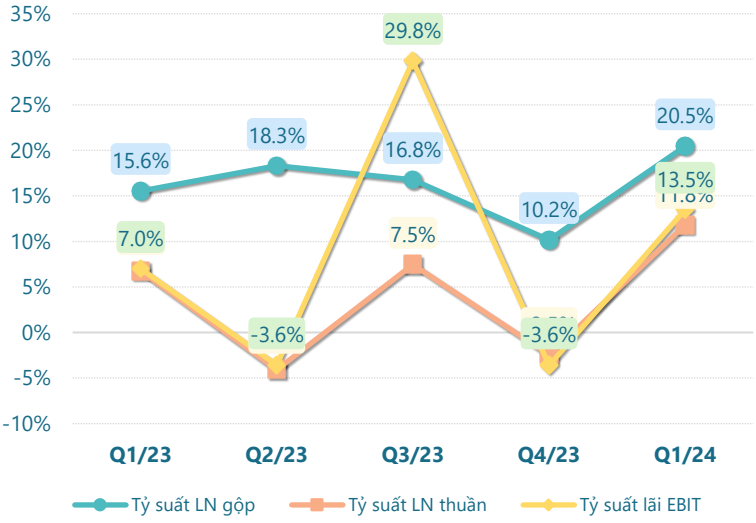
1.9%

+/- YoY: ▲ 1.0%

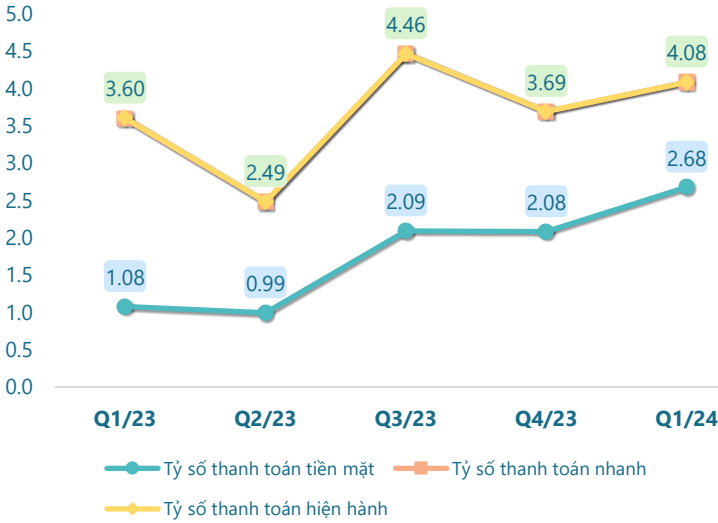




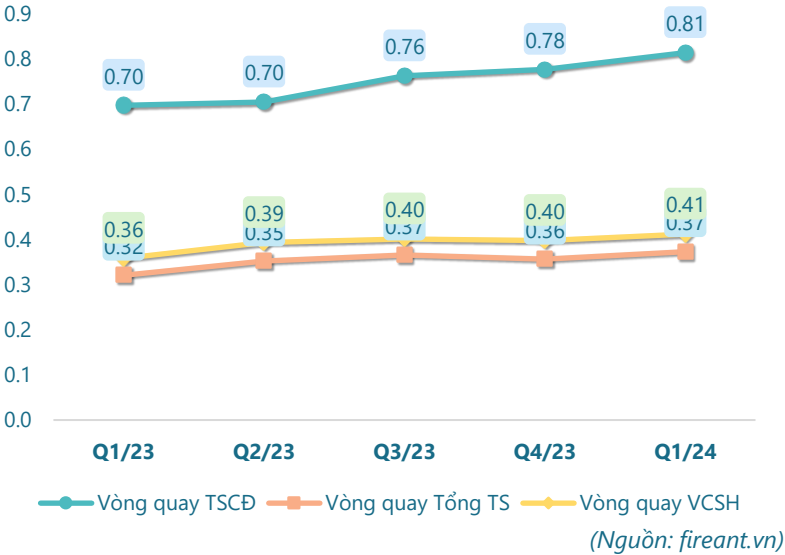
Tỷ suất lợi nhuận



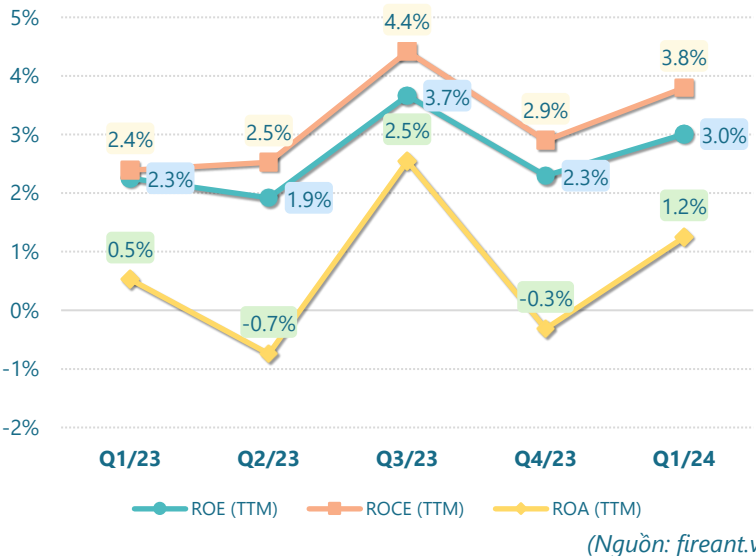
Chỉ số thanh khoản



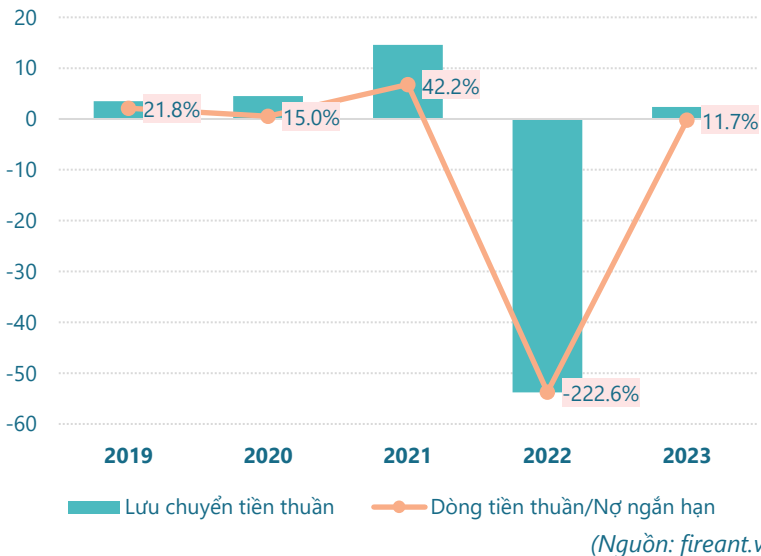
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

